TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 3 – 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Sơn
Bà Vũ Thị Mỹ Linh

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Đình Chưởng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ông Trương Thanh T. Sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Số 04, đường Lê Hồng Phong, ấp Đ, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

Bị đơn: Bà Tạ Mỹ L. Sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Số 04, đường Lê Hồng Phong, ấp Đ, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông Trương Thanh T trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Ông với bà Tạ Mỹ L kết hôn với nhau vào ngày 29/7/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số 02). Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà L nhiều lần gây nợ nần bên ngoài mà không rõ lý do. Sau đó ông được biết thì do bà L tham gia đánh bạc nên dẫn đến việc vay mượn nợ. Ông đã nhiều lần đứng ra thanh toán nợ cho bà L và khuyên ngăn nhưng bà L vẫn không thay đổi. Nay ông nhận thấy giữa vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Tạ Mỹ L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thanh Huy (giới tính: nam), sinh ngày 08/03/2004 và Trương Mỹ Uyên (giới tính: nữ), sinh ngày 15/8/2007.

Hiện cháu Huy đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Uyên thì khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải cùng ngày 23/01/2024, bị đơn là bà Tạ Mỹ L trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như ông T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không có nhiều mâu thuẫn. Việc bà giấu ông T có hỏi vay mượn nợ bên ngoài nhiều người như ông T đã trình bày. Tuy nhiên, bà không đồng ý ly hôn vì bà vẫn còn thương chồng con nhiều và mong muốn được cơ hội để hàn gắn đoàn tụ vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thanh Huy, sinh ngày 08/03/2004 và Trương Mỹ Uyên, sinh ngày 15/8/2007. Hiện cháu Huy đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông T ly hôn thì đối với cháu Uyên, bà đồng ý giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Tạ Mỹ L đến để tham gia các phiên xét xử nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Ông T và bà L tự nguyện kết hôn vào ngày 29/7/2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số 02) đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Ông T yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của ông T: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông T cương quyết xin ly hôn với bà L vì cho rằng giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà L thường xuyên vay mượn nợ mà ông không hay biết, ông đã nhiều lần thanh toán nhưng tình trạng sau đó vẫn tiếp diễn từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi. Đối với bà L xác định không đồng ý ly hôn với ông T, bà cũng thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như ông T trình bày nhưng bà mong muốn ông T cho bà cơ hội được hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa vợ chồng phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm của cả hai phía. Hiện tại cả ông, bà đều xác định giữa vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông T xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với bà L được nữa. Hội đồng xét xử cũng tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng tuy

nhiên giữa ông T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân của ông, bà có nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T được ly hôn với bà L.

[4] Về con chung: Có hai con chung tên Trương Thanh Huy, sinh ngày 08/03/2004 và Trương Mỹ Uyên, sinh ngày 15/8/2007. Hiện cháu Huy đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về cháu Uyên thì ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Đối với bà L xác định trường hợp Tòa án giải quyết cho ông T ly hôn thì bà đồng ý giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Sự thống nhất thỏa thuận này của ông, bà phù hợp với nguyện vọng của con muốn sống cùng cha khi cha mẹ ly hôn nên thống nhất giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, ông T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với bà L, đây là sự tự nguyện của ông T, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Bà L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Ông T, bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông T, bà L đều xác định không có nợ ai và cũng không ai nợ lại ông, bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông T phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trương Thanh T ly hôn với bà Tạ Mỹ L.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Trương Mỹ Uyên, sinh ngày 15/8/2007 cho ông Trương Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với bà Tạ Mỹ L.

Bà L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đồng, ông T phải chịu. Ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng theo biên lai số 0007890 vào ngày 04/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách Nhà nước toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- UBND xã Lý Văn Lâm, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự ;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thùy Nhiêu